

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31/01/2024

“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Nhân

Bà Cao Thị Mỹ Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Luân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã R xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 572/2023/TLST-HNGĐ, ngày 17/11/2023 về việc “tranh chấp xin ly hôn và nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị A, sinh năm 1999 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm X, phường Y, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

Nơi ở hiện nay: Khu phố X, thị trấn Y, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh B, sinh năm 1995 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm X, phường Y, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị A trình bày: Chị A và anh B quen biết nhau rồi mới tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 11/10/2018. Thời gian đầu chung sống vợ chồng rất hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do không thống nhất được quan điểm và mâu thuẫn với mẹ chồng nhưng không giải quyết được. Cuộc sống hôn nhân bế tắc nên chị A và anh B đã sống ly thân được một thời gian. Chị A nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh B nữa nên làm đơn khởi kiện xin Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Trong thời gian chung sống vợ chồng chị A và anh B có 01 người con chung là cháu C, sinh ngày 16/10/2019. Khi ly hôn chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn trình bày:* Về quan hệ hôn nhân và con chung anh B thống nhất lời trình bày của chị Phượng. Tuy nhiên, anh B xác định mâu thuẫn của anh và chị A là mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống, gia đình anh B cũng muốn hàn gắn cho anh và chị A được đoàn tụ, gia đình anh cũng đồng ý cho anh chị ra sống riêng nhưng chị A cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn. Về con chung: Cháu C từ khi sinh ra và lớn lên đều sống với gia đình anh, hiện tại cháu cũng đang học ở trường mầm non Tuổi Thơ thuộc ở Khóm X, phường Y, thị xã R. Thời gian chị A bỏ đi có về thăm con thì anh và gia đình có tạo điều kiện cho chị A thăm con. Hiện tại anh B là nhân viên của một cửa hàng điện thoại di động ở gần nhà thu nhập mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng đến 11.000.000 đồng nên anh có khả năng chăm sóc con chu đáo hơn, nên anh B yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc gửi các văn bản cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng thời hạn. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi cho những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Từ khi thụ lý đến khi xét xử những nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 14, Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị A. Xử cho chị A và anh B được ly hôn. Giao 01 người con chung cháu C, sinh ngày 16/10/2019 cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị A không phải cấp dưỡng nuôi con do anh B không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung do cả hai không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ yêu cầu của đương sự tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị A và anh B tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/10/2018 theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Nay chị A khởi kiện đề

ngợi Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh B và nuôi con chung, đây thuộc quan hệ “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con sau khi ly hôn*”, anh B hiện đang cư trú tại Khóm 4, phường Y, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã R theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Theo chị Phương xác định:* Chị A và anh B quen biết nhau rồi mới tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Long An. Thời gian đầu chung sống vợ chồng rất hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do không thống nhất được quan điểm và mâu thuẫn với mẹ chồng nhưng không giải quyết được, cuộc sống hôn nhân bế tắc nên chị A không thể tiếp tục chung sống với anh B. Hiện tại anh chị cũng đã sống ly thân được 03 tháng, trong thời gian sống ly thân cả hai không còn quan tâm chăm sóc nhau do đó chị xin Tòa án xem xét cho chị được ly hôn với anh B. Còn anh B thì xác định: về quan hệ hôn nhân anh thống nhất lời trình bày của chị Phương, tuy nhiên anh Kiệt xác định giữa mâu thuẫn của anh và chị A là mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống, gia đình anh cũng muốn hàn gắn, đồng ý cho anh chị ra sống riêng nhưng chị A cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án đã hòa giải để chị A và anh B đoàn tụ nhưng chị A cương quyết ly hôn vì nhận thấy không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể kéo dài. Xét thấy, hôn nhân phải dựa trên cơ sở tình yêu thương của cả hai vợ chồng, nhưng chị A cương quyết xin ly hôn; giữa chị A và anh B đã sống ly thân được một thời gian, vì vậy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của anh chị đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[2.2] Về con chung: Chị A và anh B đều thống nhất xác định anh chị có 01 người con chung là C, sinh ngày 16/10/2019. Cả hai đều mong muốn được nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ biên bản ghi lời khai cũng như biên bản hòa giải chị A xác định: Trong thời gian chị và anh B không sống chung thì chị có về Tiền Giang mở một tiệm làm tóc, móng tay để kinh doanh và sinh sống. Chị có về thăm con và cũng được gia đình anh B tạo điều kiện cho thăm con. Nhưng do con chị là con gái nên chị chăm sóc sẽ thuận tiện hơn anh B. Còn anh B thì xác định: Cháu C từ khi sinh ra và lớn lên đều sống với gia đình anh Kiệt, hiện tại cháu cũng đang học ở trường mầm non Tuổi Thơ ở Khóm X, phường Y, thị xã R. Thời gian chị A bỏ đi có thăm con thì anh và gia đình cũng tạo điều kiện cho chị A thăm con. Hiện tại anh cũng có công việc ổn định và gần nhà, thu nhập mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng đến 11.000.000 đồng, nên anh B có khả năng chăm sóc con chu đáo hơn.

[2.3] Để giải quyết cho chị A hay anh B trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu C, thì Hội đồng xét xử xét thấy: Cha mẹ có quyền và nghĩa vụ ngan nhau trong việc chăm sóc, giáo dục con chung, không phân biệt giới tính con là trai hay gái. Căn cứ biên bản xác minh Trưởng khóm X, phường Y ông G xác định: *“Hiện tại cháu gái sống với anh Kiệt, cháu gái phát triển bình thường và được đi học đầy đủ, chính quyền địa phương chưa ghi nhận sự việc bạo hành trẻ em hay bất thường từ anh B đối với cháu bé, cũng như không ghi nhận sự việc chị A có đến thăm con mà bị anh B hoặc gia đình anh B ngăn cản”*. Cũng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị A đều xác định từ khi chị và anh B ly thân cho đến nay cháu C sống cùng anh B, cháu phát triển bình thường, mỗi tuần chị đều được anh B tạo điều kiện cho gặp con và thăm con. Hiện tại cháu C đang học trường gần nhà anh B, bản thân anh B cũng có công việc ổn định, có cung cấp bản lương mỗi tháng do đó để tránh làm sáo trộn cuộc sống hiện tại của cháu C và ảnh hưởng đến tâm sinh lý phát triển của cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh B, tiếp tục giao cháu C cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Về cấp dưỡng: Chị A không phải cấp dưỡng do anh B không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị A và anh B đều thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không có căn cứ xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R là phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị A, cho chị A và anh B ly hôn. Giao 01 người con chung cháu C, sinh ngày 16/10/2019 cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[7] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng chị A phải chịu.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Áp dụng khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51 và các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị A. Xử cho chị A được ly hôn với anh B

2. Về con chung: Giao con chung C, sinh ngày 16/10/2019 cho anh Lê Anh B được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cháu C hiện tại đang sống với anh B nên được giữ nguyên.

2.1. Chị A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

2.2. Chị A không phải cấp dưỡng nuôi con do anh B không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị A và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm buộc chị A có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Biên lai thu số: 0008230, ngày 17/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND cùng cấp;
- CCTHADS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Các hội Thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 31 tháng 01 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa